

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 - 6 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 - 8 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ | 9 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ | 10 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 11 - 34 |

11/11/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Đoàn Hải Chiến | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Mai Huy Tuấn | Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Khương Đức Dũng | Phó Chủ tịch |
| Ông Phạm Sỹ Long | Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Nguyễn Xuân Hồng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Hào | Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Đỗ Đức Mạnh | Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Nguyễn Quang Luân | Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Xuân Hồng | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Sỹ Long | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Khương Đức Dũng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Bùi Quế Lâm | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Khả Lộc | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2020) |

Ban Kiểm soát

| | |
|----------------------|---|
| Ông Đỗ Anh Thái | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020) |
| Bà Ninh Văn Khương | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 29 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Lê Đình Quý | Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |
| Bà Vi Thị Phương Anh | Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Phạm Văn Tuyền | Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |
| Ông Hà Thị Hải Yến | Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020) |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Hồng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Số: 081403/2020/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 7 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2020, Báo cáo tài chính đính kèm đang ghi nhận một khoản nợ phải thu Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa số tiền 17.565.791.788 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 05/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Sa Pa. Tuy nhiên, ngày 18/7/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có Quyết định giám đốc thẩm số 39/2019/DS-GĐT tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 03/2014/QĐST-DS nêu trên và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm lại. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của khoản nợ phải thu nêu trên.

Giá trị bị cắt giảm khi quyết toán công trình thủy điện Sừ Pán 2 là 903.583.761 đồng, Công ty xác định sẽ thu lại của các nhà thầu và hiện theo dõi tại khoản mục "Phải thu khác". Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa xác định được đối tượng nợ và số tiền phải thu của từng đối tượng. Với các tài liệu kế toán được tiếp cận, Kiểm toán viên không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản công nợ này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty chưa ghi nhận lãi phải trả năm 2019 và kỳ 06 tháng đầu năm 2020 đối với nợ gốc vay (15.000.000.000 đồng) và nợ phải trả người bán (1.183.397.247 đồng) của Tổng Công ty Sông Đà. Với tài liệu hiện có, chúng tôi chưa xác định được cụ thể số lãi vay phát sinh của Công ty năm 2019 và kỳ 06 tháng đầu năm 2020 của các khoản công nợ nêu trên.

Công ty đang ghi nhận khoản lỗ phát sinh năm 2016 từ giao dịch thanh lý Dự án thủy điện Nậm Cùn, xã Thanh Phú, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai số tiền 14.654.688.095 đồng trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác". Nguyên nhân là do Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông sở hữu 38,08% vốn điều lệ) cho rằng chi phí bỏ ra để thực hiện dự án và việc thanh lý dự án này không đủ cơ sở pháp lý để ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh vào kết quả kinh doanh năm 2016. Nếu khoản lỗ thanh lý trên được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và ngày 30/06/2020 sẽ giảm tương ứng số tiền 14.654.688.095 đồng.

Chi phí đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Sử Pán 1 và Dự án thủy điện tại Văn Bàn đang được theo dõi trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền 5.734.323.803 đồng (Trong đó: Dự án thủy điện Sử Pán 1 là 3.759.509.643 đồng và Dự án thủy điện tại Văn Bàn là 1.974.814.160 đồng). Đây là hai dự án đã bị chấm dứt chủ trương đầu tư theo các Công văn số 3142/UBND-CN ngày 10/12/2009 và 4271/UBND-TH ngày 04/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. Nếu giá trị tổn thất các dự án này được ghi nhận vào kết quả kinh doanh của Công ty các năm trước, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2020 và ngày 30/06/2020 sẽ giảm tương ứng số tiền 5.734.323.803 đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số V.9, Cục thuế tỉnh Lào Cai đã có Biên bản làm việc với Công ty về các khoản truy thu liên quan đến thuế GTGT của Dự án Thủy điện Nậm Cùn. Theo đó, Cục thuế sẽ tiếp tục có báo cáo đề xuất không truy thu thuế GTGT đối với dự án Thủy điện Nậm Cùn số tiền 4.938.235.141 đồng và xin ý kiến hướng dẫn chỉ đạo của Tổng cục thuế về vấn đề này. Tuy nhiên cho đến nay, Tổng cục thuế vẫn chưa có văn bản trả lời. Do đó, khoản tiền thuế GTGT bị truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp liên quan đến Dự án thủy điện Nậm Cùn mà Công ty phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết luận cuối cùng của Tổng cục thuế.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.20, vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/07/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai là 420.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, vốn thực tế góp của các cổ đông đến thời điểm 30/06/2020 là 152.460.000.000 đồng.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 30/06/2020 là 247.550.015.537 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty là (96.844.558.627) đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 395.887.367.948 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc có lãi trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của ngân hàng để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Báo cáo kiểm toán đề ngày 26 tháng 03 năm 2020 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|--|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 112.413.765.630 | 82.097.746.222 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 24.301.221.560 | 14.505.518.861 |
| 1. Tiền | 111 | | 24.301.221.560 | 14.505.518.861 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 87.566.989.983 | 66.930.739.763 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 36.093.742.000 | 15.583.495.207 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 4.936.926.328 | 5.032.891.729 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 9.820.000.000 | 11.120.000.000 |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 38.433.211.134 | 36.019.352.827 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.8 | (1.716.889.479) | (825.000.000) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 46.502.500 | - |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 46.502.500 | - |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 499.051.587 | 661.487.598 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 499.051.587 | 283.943.784 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.9a | - | 377.543.814 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 754.818.127.877 | 777.880.785.676 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 49.815.000 | 49.815.000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 49.815.000 | 49.815.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 735.874.046.984 | 758.706.678.915 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 735.874.046.984 | 758.706.678.915 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.157.900.065.864 | 1.153.533.680.533 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (422.026.018.880) | (394.827.001.618) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 5.734.323.803 | 8.467.354.589 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 5.734.323.803 | 8.467.354.589 |
| IV. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 3.220.590.623 | 3.220.590.623 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.13 | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (1.069.409.377) | (1.069.409.377) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.12 | 290.000.000 | 290.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 9.939.351.467 | 7.436.346.549 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 9.939.351.467 | 7.436.346.549 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 867.231.893.507 | 859.978.531.898 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 964.076.452.134 | 981.124.898.267 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 508.301.133.578 | 492.719.075.711 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 91.256.742.403 | 99.133.073.183 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.9b | 4.598.827.138 | 1.490.206.543 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 1.391.864.858 | 2.063.197.000 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 369.193.882.802 | 346.422.682.666 |
| 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.16a | 951.374.206 | 1.902.748.414 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 7.864.574.377 | 6.387.390.111 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18 | 33.043.867.794 | 35.319.777.794 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 455.775.318.556 | 488.405.822.556 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | V.16b | 20.930.232.556 | 20.930.232.556 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 1.250.000.000 | 1.250.000.000 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19 | 433.595.086.000 | 466.225.590.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (96.844.558.627) | (121.146.366.369) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.20 | (96.844.558.627) | (121.146.366.369) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 152.460.000.000 | 152.460.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 152.460.000.000 | 152.460.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (241.523.040) | - |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (1.513.020.050) | (2.521.700.000) |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (247.550.015.537) | (271.084.666.369) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (271.084.666.369) | (274.242.556.274) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 23.534.650.832 | 3.157.889.905 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 867.231.893.507 | 859.978.531.898 |

Bùi Lan Hương
Người lập

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Kim Văn Sỹ
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 | Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 |
|--|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 91.954.393.175 | 58.846.320.473 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 91.954.393.175 | 58.846.320.473 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 42.046.760.581 | 40.305.149.904 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 49.907.632.594 | 18.541.170.569 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 401.657.095 | 10.470.107 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 23.120.700.712 | 27.724.964.584 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 23.120.700.712 | 27.724.964.584 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 3.845.204.137 | 2.837.610.856 |
| 10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 23.343.384.840 | (12.010.934.764) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 390.457.037 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 199.191.045 | 1.435.822.035 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 191.265.992 | (1.435.822.035) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 23.534.650.832 | (13.446.756.799) |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.8 | - | - |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 23.534.650.832 | (13.446.756.799) |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | 1.561 | (894) |
| 18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | 1.561 | (894) |

Bùi Lan Hương
Người lập
Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Kim Văn Sỹ
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 | Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 |
|---|-----------|------------------------------|------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 23.534.650.832 | (13.446.756.799) |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | 27.199.017.262 | 26.996.428.491 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 891.889.479 | - |
| Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (401.657.095) | (10.470.107) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 23.120.700.712 | 27.724.964.584 |
| 2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 08 | 74.344.601.190 | 41.264.166.169 |
| Tăng/Giảm các khoản phải thu | 09 | (22.062.581.997) | (12.704.556.001) |
| Tăng/Giảm hàng tồn kho | 10 | (46.502.500) | - |
| Tăng/Giảm các khoản phải trả | 11 | (6.067.400.480) | 1.879.046.417 |
| Tăng/Giảm chi phí trả trước | 12 | (2.718.112.721) | (4.046.663.133) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 43.450.003.492 | 26.391.993.452 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (61.530.000) | - |
| 2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (700.000.000) | - |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 2.000.000.000 | - |
| 4. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 13.643.207 | 10.470.107 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 1.252.113.207 | 10.470.107 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (34.906.414.000) | (25.317.500.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (34.906.414.000) | (25.317.500.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 9.795.702.699 | 1.084.963.559 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 14.505.518.861 | 19.663.146.636 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 24.301.221.560 | 20.748.110.195 |



Bùi Lan Hương
Người lập
Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Kim Văn Sỹ
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 1203000045 ngày 09/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 01/07/2020.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 595/QĐ-SGDHN ngày 21/09/2016 với mã chứng khoán là SP2.

Vốn điều lệ: 420.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2019: 152.460.000.000 đồng

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 42 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 42 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn công trình;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy lợi, thủy điện, nhà máy thủy điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp, thoát nước, cơ điện công trình;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê;
- Lắp đặt cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các thiết bị điện nước; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; và
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp 110KV; sửa chữa các thiết bị điện và gia công cơ khí; hướng dẫn đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, thi công lắp đặt hệ thống điện nước, thông tin.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán điện thương phẩm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cụ thể như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|---|--|----------------------------|---|------------------------|
| Công ty liên kết | | | | |
| Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên | Bản Dền, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai | 40% | 40% | Xây dựng nhà các loại |

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Năm khấu hao</u> |
|--------------------------|---------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 - 30 |
| Máy móc thiết bị | 05 - 18 |
| Phương tiện vận tải | 05 - 18 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.773.630.347 | 1.819.006.575 |
| Tiền gửi ngân hàng | 22.527.591.213 | 12.686.512.286 |
| Cộng | 24.301.221.560 | 14.505.518.861 |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam | 36.093.742.000 | 15.583.495.207 |
| Cộng | 36.093.742.000 | 15.583.495.207 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| a) Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên | 2.065.821.581 | 2.065.821.581 |
| Công ty TNHH Phú Đức | 875.036.951 | 875.036.951 |
| Công ty TNHH Kỹ thuật và Thiết bị Hydro Việt Nam | 461.340.000 | 51.202.800 |
| Công ty TNHH MTV Phương Bắc | 429.502.000 | 429.502.741 |
| Các đối tượng khác | 1.105.225.796 | 1.611.327.656 |
| Cộng | 4.936.926.328 | 5.032.891.729 |
| b) Trả trước cho người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2) | 2.065.821.581 | 2.065.821.581 |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 30/06/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|---|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Ban 2 (i) | 1.820.000.000 | 1.120.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân (ii) | 8.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Cộng | 9.820.000.000 | 11.120.000.000 |

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Ban 2 vay theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Thời hạn khoản cho vay là 03 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Ban 2. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Trong đó, 200.000.000 đồng được cho vay với lãi suất 0%/năm; 1.620.000.000 đồng được cho vay với lãi suất 7%/năm.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân vay theo hợp đồng vay số 12/2019/HĐVV-ĐTAX ngày 15/08/2019. Tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 30 ngày kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân. Lãi suất cho vay là 7%/năm Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu khác

| | 30/06/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| a) Ngắn hạn | | |
| Tạm ứng | 153.208.251 | 303.704.769 |
| Công ty TNHH MTV Thủy điện Sa Pa (a) | 17.565.791.788 | 17.565.791.788 |
| Lỗi thanh lý dự án Nậm Cùn chờ xử lý (b) | 14.654.688.095 | 14.654.688.095 |
| Phải thu về chi phí đường dây điện và xây dựng công trình thủy điện Sử Pán 2 bị xuất toán theo quyết toán (c) | 903.583.761 | 903.583.761 |
| Các khoản phải thu khác | 5.155.939.239 | 2.591.584.414 |
| Cộng | 38.433.211.134 | 36.019.352.827 |
| b) Dài hạn | | |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn | 49.815.000 | 49.815.000 |
| Cộng | 49.815.000 | 49.815.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Phải thu khác (Tiếp theo)

- (a) Ngày 25/10/2010, Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa (trước đây là Công ty CP Thủy điện Sa Pa) trong quá trình thi công nhà máy thủy điện Sapa đã gây sạt lở làm vùi lấp nhà xưởng và máy móc thiết bị tại Nhà máy Thủy điện Sử Pán 2. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 05/11/2014, Tòa án nhân dân huyện SaPa phán quyết: Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa bồi thường cho Công ty số tiền 17.563.000.000 đồng. Công ty đã ứng trước từ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) để có nguồn tiền khắc phục thiệt hại số tiền 5.500.000.000 đồng. Khi Công ty thu được tiền bồi thường từ Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa sẽ chuyển trả lại cho BIC.

Tuy nhiên, ngày 31/6/2016 Công ty TNHH MTV Thủy điện Sapa có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Lý do chính: người được Công ty ủy quyền tham gia phiên tòa đã tự ý quyết định mức bồi thường thiệt hại là vượt quá phạm vi ủy quyền. Ngày 18/07/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có quyết định giám đốc thẩm số 39/2019/DS-GĐT về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Theo đó, phiên tòa đã quyết định hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2014/QĐST-DS ngày 05/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Sapa; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm lại.

- (b) Ngày 29/10/2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai có quyết định số 3130/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư số 1212100107 đã cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) về việc thực hiện dự án Nậm Cùn.

Để thu hồi chi phí đã đầu tư trước đó, Công ty ký hợp đồng xử lý tài sản số 31/HĐXLTS/2015 ngày 11/02/2015 với Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299 (chủ đầu tư mới của dự án Thủy điện Nậm Cùn) với giá trị hợp đồng là 42.974.014.000 đồng. Tổng chi phí đầu tư thực tế của Công ty đến thời điểm xử lý dự án là 59.766.044.016 đồng. Theo đó, lỗ từ việc thanh lý dự án là 16.792.030.016 đồng. Công ty đã bàn giao đầy đủ hồ sơ tài liệu của dự án cho Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299. Theo ý kiến của Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông sở hữu 38,08% vốn điều lệ) tại Công văn số 887/TCT-TCKT ngày 06/06/2017, chi phí bỏ ra để thực hiện dự án Nậm Cùn và việc thanh lý dự án này của Công ty là chưa đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh này vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận khoản lỗ từ thanh lý dự án vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

Trong năm 2018, Công ty thực hiện rà soát lại các chứng từ chi phí đầu tư và nhận thấy có 2.137.341.921 đồng là chi phí của dự án Làng Sông Đà - Hoàng Liên bị ghi nhầm vào Dự án thủy điện Nậm Cùn. Do dự án Làng Sông Đà - Hoàng Liên được chuyển nhượng trong năm 2018 nên Công ty hạch toán 2.137.341.921 đồng nêu trên vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.

- (c) Là giá trị chênh lệch giữa quyết toán công trình thủy điện Sử Pán 2 được duyệt so với chi phí đầu tư mà Công ty ghi nhận. Phần chênh lệch này sẽ được Công ty làm việc và thu lại từ các nhà thầu thi công công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

| | 30/06/2020 | | 01/01/2020 | |
|-----------------------|-------------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 46.502.500 | - | - | - |
| Cộng | 46.502.500 | - | - | - |

7. Chi phí trả trước

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Chi phí bảo hiểm | 403.907.918 | 138.289.462 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 95.143.669 | 145.654.322 |
| Cộng | 499.051.587 | 283.943.784 |
| b) Dài hạn | | |
| Chi phí sửa chữa | 8.881.631.455 | 7.393.932.081 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 219.683.624 | 38.074.468 |
| Chi phí trả trước khác | 838.036.388 | 4.340.000 |
| Cộng | 9.939.351.467 | 7.436.346.549 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 30/06/2020 | | 01/01/2020 | |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND |
| Ông Bùi Khắc Hoàng | 825.000.000 | - | 825.000.000 | 825.000.000 |
| Công ty TNHH Phú Đức | 875.036.951 | 262.511.085 | 612.525.866 | 875.036.951 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc | 331.284.942 | 99.385.483 | 231.899.459 | 331.284.942 |
| Công ty CP Thương mại và Xây lắp 368 | 47.464.154 | - | 47.464.154 | 47.464.154 |
| Cộng | 2.078.786.047 | 361.896.568 | 1.716.889.479 | 2.078.786.047 |
| | | | | 825.000.000 |

9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

| | 01/01/2020 | | Số phải nộp trong kỳ VND | | Số thực nộp bù trừ trong kỳ VND | | 30/06/2020 | |
|---|----------------------|-----------|--------------------------------|----------------------|---------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Các khoản phải thu | | | | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 377.543.814 | - | 7.482.761.433 | 7.105.217.619 | - | - | - | - |
| Cộng | 377.543.814 | - | 7.482.761.433 | 7.105.217.619 | - | - | - | - |
| b) Các khoản thuế phải trả, phải nộp | | | | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 2.038.404 | 113.468.083 | 61.460.157 | - | - | 113.468.083 | 8.968.014 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.114.115.419 | - | 68.389.767 | 3.785.057.442 | 2.761.931.449 | 2.761.931.449 | 2.761.931.449 | 2.761.931.449 |
| Thuế tài nguyên | 374.052.720 | - | 5.432.873.472 | 760.632.700 | 1.714.459.592 | 1.714.459.592 | 1.714.459.592 | 1.714.459.592 |
| Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác | | | | | | | | |
| Cộng | 1.490.206.543 | - | 7.715.770.894 | 4.607.150.299 | 4.598.827.138 | 4.598.827.138 | 4.598.827.138 | 4.598.827.138 |

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,
Tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước (Tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

(*) Ngày 23/06/2017, Cục thuế tỉnh Lào Cai đã có Quyết định số 2883/QĐ-CT về việc truy thu thuế GTGT, phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính liên quan tới Dự án thủy điện Nậm Cùn và các dự án khác của Công ty là 9.454.318.647 đồng. Công ty đã nộp và ghi nhận thuế GTGT truy thu, các khoản phạt thuế liên quan tới các dự án khác vào kết quả kinh doanh với số tiền 4.516.083.506 đồng (Năm 2018 là 3.202.975.070 đồng; năm 2019 là 1.313.108.436 đồng). Số thuế còn lại (4.938.235.141 đồng) chưa được phản ánh vào Báo cáo tài chính. Đây là thuế GTGT truy thu và các khoản phạt thuế của Dự án thủy điện Nậm Cùn mà Công ty cho rằng chưa phù hợp với quy định của Luật thuế hiện hành. Theo đó, Công ty đã có công văn gửi Bộ Tài chính và Tổng cục thuế về vấn đề này và kiến nghị Cục thuế tỉnh Lào Cai không truy thu khoản thuế này.

Bộ Tài chính và Tổng cục thuế đã có công văn trả lời Công ty về chính sách thuế GTGT liên quan đến Dự án thủy điện Nậm Cùn (Công văn số 9296/BTC-CST ngày 12/07/2017 và Công văn số 4816/TC-T-DNL ngày 18/10/2017). Tuy nhiên, do nội dung công văn của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế chưa rõ ràng nên ngày 30/11/2017, Cục thuế tỉnh Lào Cai đã làm việc với Công ty và các bên thống nhất phương án xử lý như sau: Cục thuế tỉnh Lào Cai sẽ tiếp tục có báo cáo đề xuất không truy thu thuế GTGT đối với Dự án thủy điện Nậm Cùn theo nội dung công văn của Bộ Tài chính và xin ý kiến hướng dẫn chỉ đạo của Tổng cục thuế. Trong thời gian chờ ý kiến của Tổng cục thuế, Cục thuế tỉnh Lào Cai không thực hiện cưỡng chế nợ thuế đối với khoản thuế GTGT truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp thuế của Dự án thủy điện Nậm Cùn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,
Tỉnh Lào Cai

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|------------------------|---------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | 566.494.696.650 | 476.395.494.717 | 110.168.310.166 | 475.179.000 | 1.153.533.680.533 |
| Mua trong kỳ | - | 87.900.000 | 1.545.454.545 | - | 1.633.354.545 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 2.733.030.786 | - | - | - | 2.733.030.786 |
| Tại ngày cuối kỳ | 569.227.727.436 | 476.483.394.717 | 111.713.764.711 | 475.179.000 | 1.157.900.065.864 |

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

| | | | | | |
|-------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Tại ngày đầu kỳ | 182.687.198.371 | 173.026.989.212 | 38.871.523.021 | 241.291.014 | 394.827.001.618 |
| Khấu hao trong kỳ | 11.425.107.372 | 12.650.883.298 | 3.090.092.088 | 32.934.504 | 27.199.017.262 |
| Tại ngày cuối kỳ | 194.112.305.743 | 185.677.872.510 | 41.961.615.109 | 274.225.518 | 422.026.018.880 |

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

| | | | | | |
|------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|------------------------|
| Tại ngày đầu kỳ | 383.807.498.279 | 303.368.505.505 | 71.296.787.145 | 233.887.986 | 758.706.678.915 |
| Tại ngày cuối kỳ | 375.115.421.693 | 290.805.522.207 | 69.752.149.602 | 200.953.482 | 735.874.046.984 |

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 731.112.139.977 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 757.991.600.049 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 475.216.147 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 475.216.147 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Làm đường nội bộ vào nhà máy | - | 2.733.030.786 |
| Đầu tư dự án Thủy điện Sử Pán 1 (i) | 3.759.509.643 | 3.759.509.643 |
| Đầu tư dự án Thủy điện tại Văn Bàn (i) | 1.974.814.160 | 1.974.814.160 |
| Cộng | 5.734.323.803 | 8.467.354.589 |

- (i) Theo Công văn số 3142/UBND-CN ngày 10/12/2009 và 4271/UBND-H ngày 04/11/2013 của UBND Lào Cai, Dự án Thủy điện Sử Pán 1 và dự án Thủy điện tại Văn Bàn đã bị chấm dứt hiệu lực chủ trương cho phép Công ty lập dự án đầu tư do Công ty không trình hồ sơ dự án kịp thời cho UBND tỉnh Lào Cai.

12. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|----------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Trái phiếu (*) | 290.000.000 | 290.000.000 |
| Cộng | 290.000.000 | 290.000.000 |

- (*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 29 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu Công ty nắm giữ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Thời hạn 10 năm. Ngày phát hành là 19/12/2018. Ngày đáo hạn là 19/12/2028. Lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng tham chiếu tại Ngày Xác định lãi suất + 1%/năm. Lãi trả định kỳ 1 năm 1 lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,
Tỉnh Lào Cai**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

| | 30/06/2020 | | 01/01/2020 | | | |
|--|---------------------|----------------------|------------------------|---------------------|----------------------|------------------------|
| | Tỷ lệ biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Tỷ lệ biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên | 40,00% | 4.000.000.000 | (1.069.409.377) | 40,00% | 4.000.000.000 | (1.069.409.377) |
| Cộng | | 4.000.000.000 | (1.069.409.377) | | 4.000.000.000 | (1.069.409.377) |

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 30/06/2020 | | 01/01/2020 | |
|--|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| a) Phải trả người bán ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (SOMEKO) | 53.625.310.422 | 53.625.310.422 | 55.125.310.422 | 55.125.310.422 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02 | 16.254.397.450 | 16.254.397.450 | 16.254.397.450 | 16.254.397.450 |
| Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty Cổ phần Sông Đà 10 | 9.675.316.934 | 9.675.316.934 | 9.675.316.934 | 9.675.316.934 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long | - | - | 7.300.543.673 | 7.300.543.673 |
| Các đối tượng khác | 11.701.717.597 | 11.701.717.597 | 10.777.504.704 | 10.777.504.704 |
| Cộng | 91.256.742.403 | 91.256.742.403 | 99.133.073.183 | 99.133.073.183 |
| b) Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.2) | 68.744.179.554 | 68.744.179.554 | 70.744.179.554 | 70.744.179.554 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2 | 460.686.813 | 460.686.813 |
| Chi phí vận hành đường dây | 260.304.688 | 650.761.728 |
| Trích trước chi phí phải trả chi phí xây dựng công trình Thủy điện Sử Pán 2 theo Quyết toán | 11.510.569.431 | 11.510.569.431 |
| Trích trước chi phí lãi vay phải trả | 356.921.365.406 | 333.800.664.694 |
| Chi phí phải trả khác | 40.956.464 | - |
| Cộng | 369.193.882.802 | 346.422.682.666 |

16. Doanh thu chưa thực hiện

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây | 951.374.206 | 1.902.748.414 |
| Cộng | 951.374.206 | 1.902.748.414 |
| b) Dài hạn | | |
| Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây | 20.930.232.556 | 20.930.232.556 |
| Cộng | 20.930.232.556 | 20.930.232.556 |

17. Phải trả khác

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | 49.810.098 | 87.227.280 |
| Tạm mượn tiền Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC) để khắc phục sự cố sạt lở đất năm 2010 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.314.764.279 | 800.162.831 |
| Cộng | 7.864.574.377 | 6.387.390.111 |
| b) Dài hạn | | |
| Nhận ủy thác của cán bộ nhân viên để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên | 1.250.000.000 | 1.250.000.000 |
| Cộng | 1.250.000.000 | 1.250.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

| | 30/06/2020 | | 01/01/2020 | |
|--|------------------------|--------------------------|------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm |
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay và nợ dài hạn | 433.595.086.000 | 433.595.086.000 | - | 34.906.414.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai | 212.738.355.000 | 212.738.355.000 | - | 19.071.105.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | 220.856.731.000 | 220.856.731.000 | - | 15.835.309.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | - | - | 2.275.910.000 |
| Cộng | 433.595.086.000 | 433.595.086.000 | | 466.225.590.000 |
| | | | | 466.225.590.000 |
| | | | | 468.501.500.000 |
| | | | | 231.809.460.000 |
| | | | | 236.692.040.000 |
| | | | | 2.275.910.000 |
| | | | | 466.225.590.000 |
| | | | | 468.501.500.000 |

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28/12/2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17/05/2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 đồng, thời hạn vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và hình thành trong tương lai) cùng Quyền sử dụng đất tại dự án Thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư | Thặng dư | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận | Tổng cộng |
|--------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| | chủ sở hữu | vốn cổ phần | | chưa phân phối | |
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 152.460.000.000 | - | (2.521.700.000) | (274.242.556.274) | (124.304.256.274) |
| Lợi nhuận tăng trong năm | - | - | - | 3.157.889.905 | 3.157.889.905 |
| Số dư đầu kỳ này | 152.460.000.000 | - | (2.521.700.000) | (271.084.666.369) | (121.146.366.369) |
| Lợi nhuận tăng trong kỳ | - | - | - | 23.534.650.832 | 23.534.650.832 |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*) | - | (241.523.040) | 1.008.679.950 | - | 767.156.910 |
| Số dư cuối kỳ này | 152.460.000.000 | (241.523.040) | (1.513.020.050) | (247.550.015.537) | (96.844.558.627) |

(*) Khoản tái phát hành cổ phiếu quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/NQ-SP2-HĐQT ngày 24/02/2020 về việc phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty. Mục đích tái phát hành cổ phiếu quỹ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá bán theo giá của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ là Công ty CP Chứng khoán FPT. Số lượng cổ phiếu quỹ sẽ thực hiện tái phát hành lại là 205.000 cổ phiếu.

Tính đến ngày 30/06/2020, Công ty đã thực hiện tái phát hành thành công 82.000 cổ phiếu quỹ với giá tái phát hành là 10.000 đồng/ cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Vốn chủ sở hữu

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty Sông Đà | 58.060.000.000 | 58.060.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 7 | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 64.400.000.000 | 64.400.000.000 |
| Cộng | 152.460.000.000 | 152.460.000.000 |

c. Cổ phiếu

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.246.000 | 15.246.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 15.246.000 | 15.246.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.246.000 | 15.246.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 123.000 | 205.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 123.000 | 205.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 15.123.000 | 15.041.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 15.123.000 | 15.041.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 | Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán điện thương phẩm | 91.003.018.967 | 57.894.946.265 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây | 951.374.208 | 951.374.208 |
| Cộng | 91.954.393.175 | 58.846.320.473 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 | Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của điện thương phẩm đã bán | 41.768.521.506 | 39.870.587.049 |
| Giá vốn của dịch vụ cho thuê đường dây đã cung cấp | 278.239.075 | 434.562.855 |
| Cộng | 42.046.760.581 | 40.305.149.904 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND | Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND |
|---|--|--|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 23.534.650.832 | (13.446.756.799) |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | (23.534.650.832) | - |
| Thu nhập chịu thuế | - | (13.446.756.799) |
| Thuế suất | 20% | 20% |
| Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế và thay đổi tùy theo từng thời kỳ. Việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND | Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND |
|--|--|--|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 23.534.650.832 | (13.446.756.799) |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 23.534.650.832 | (13.446.756.799) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 15.076.368 | 15.041.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.561 | (894) |

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND | Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND |
|------------------------------------|--|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 583.371.775 | 714.588.106 |
| Chi phí nhân công | 4.515.661.187 | 4.026.429.052 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 27.199.017.262 | 26.996.428.491 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.621.695.619 | 990.593.372 |
| Chi phí khác bằng tiền | 8.080.329.396 | 10.414.721.739 |
| Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi | 891.889.479 | - |
| Cộng | 45.891.964.718 | 43.142.760.760 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bán điện thương phẩm và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên
Công ty Cổ phần Sông Đà 10
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 12

Mối quan hệ

Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư
Công ty liên kết
Chung Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch với bên liên quan

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

| | 30/06/2020 | 01/01/2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 33.043.867.794 | 33.043.867.794 |
| Tổng Công ty Sông Đà | 33.043.867.794 | 33.043.867.794 |
| Phải trả người bán | 68.744.179.554 | 70.744.179.554 |
| Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà | 53.625.310.422 | 55.125.310.422 |
| Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty CP Sông Đà 10 | 9.675.316.934 | 9.675.316.934 |
| Tổng Công ty Sông Đà | 1.183.397.247 | 1.183.397.247 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 12 | 2.737.964.535 | 3.237.964.535 |
| Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà | 58.900.641 | 58.900.641 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà 9 | 1.463.289.775 | 1.463.289.775 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 2.065.821.581 | 2.065.821.581 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên | 2.065.821.581 | 2.065.821.581 |
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ: | | |
| | Từ 01/01/2020 | Từ 01/01/2019 |
| | đến 30/06/2020 | đến 30/06/2019 |
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT | 1.176.521.538 | 1.005.565.023 |
| Cộng | 1.176.521.538 | 1.005.565.023 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét.



Bùi Lan Hương
Người lập

Lào Cai, ngày 14 tháng 08 năm 2020



Kim Văn Sỹ
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hồng
Tổng Giám đốc